

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

TÔN GIÁO VỚI TOÀN CẦU HOÁ VÀ HIỆN ĐẠI HOÁ
(Đối thoại cùng Samuel Huntington qua tác phẩm
***Sự va chạm của các nền văn minh*)**

(Tiếp theo kì trước)

NGUYỄN DUY HÌNH^(*)

Sau khi đã dẫn tư liệu về sự trỗi dậy của tôn giáo trên toàn thế giới mà S. Huntington đã đưa ra nhiều số liệu, chứng tích và lập luận minh giải nguyên nhân của sự trỗi dậy đó, có thể có những nhận xét sau đây:

1. Quả có một sự trỗi dậy tôn giáo từ sau năm 1980 như tác giả nói. Năm 1980 chỉ là một con số làm mốc. Nói chung, sự trỗi dậy đó xuất hiện từ sau kết thúc Chiến tranh lạnh tức sau khi Liên Xô sụp đổ và phe xã hội chủ nghĩa tan rã.

2. Sự trỗi dậy tôn giáo đó, theo tác giả, không thể hiện ở các nước Phương Tây (bao gồm cả Mỹ), biểu hiện ở số lượng tín đồ Kitô giáo Phương Tây từ năm 1900 đến năm 2000 là 26,9% - 30,6% - 30,0% - 29,7% - 29,9% dân số thế giới. Đúng là Phương Tây không có sự trỗi dậy của Kitô giáo. Hơn nữa, theo những công trình nghiên cứu khác dẫn những số liệu thống kê khác thì hoặc cho Kitô giáo Phương Tây đang suy sụp so với trước thế kỉ XIX, hoặc cho đã hình thành cục diện đa tôn giáo ở các nước Phương Tây chấm dứt tính "độc tôn" của Kitô giáo, xuất hiện các tôn giáo Phương Đông và nhất là các hiện

tượng tôn giáo mới. Dù sao thì Kitô giáo không trỗi dậy ở Phương Tây là sự thực. Và như vậy, sự trỗi dậy tôn giáo không mang tính toàn cầu.

3. Sự trỗi dậy tôn giáo thể hiện rõ trong các nước "phi Phương Tây". Tác giả đã đưa ra số liệu và hiện tượng tôn giáo ở Trung Đông, Mỹ Latinh, Châu Á. Tác giả đặc biệt nhấn mạnh sự trỗi dậy của Islam giáo và sự hồi sinh tôn giáo trong các nước vốn thuộc phe xã hội chủ nghĩa như Liên Xô và Trung Quốc... Nhận định này có giá trị thực tế và khoa học, tuy vẫn còn nhiều vấn đề lí luận và thực tiễn cần thảo luận thêm.

4. Về nguyên nhân của sự trỗi dậy tôn giáo này, tác giả cho rằng: "Nguyên nhân rõ ràng nhất, mạnh mẽ nhất và đáng thuyết phục nhất dẫn đến sự trỗi dậy của tôn giáo toàn cầu chính là những gì được coi là đã gây nên cái chết của tôn giáo: Những quá trình hiện đại hoá xã hội, kinh tế và văn hoá đang lan tràn trên khắp thế giới ở nửa cuối thế kỉ XX"⁽¹⁾. Theo tôi, tác giả cho rằng nguyên nhân của sự trỗi dậy tôn giáo là

*. PGS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Samuel Huntington. Sđd, tr.116.

sự toàn cầu hoá, hiện đại hoá về xã hội, kinh tế, văn hoá. Tác giả muốn nhắc đến câu "Thượng Đế chết rồi" (God is dead) mà nhà triết học Đức Frederich Nietzsche (1844-1900) đã tuyên bố trong cuốn *Trí tuệ hoan lạc* (The Joyful Wisdom). F. Nietzsche cho rằng con người đã giết chết Thượng Đế vì con người đã đạt đến "Tôi chính là vận mệnh"⁽²⁾ và cho rằng sự phát triển kinh tế, khoa học cuối thế kỉ XX thì trái lại không giết chết Chúa mà xuất hiện sự trả thù của Chúa, tức sự hồi sinh trở dậy của tôn giáo. Đến đây cách giải thích sự trở dậy tôn giáo bằng lí luận toàn cầu hoá và hiện đại hoá của tác giả tỏ ra lúng túng, thậm chí mâu thuẫn và cơ bản không thể chấp nhận được.

Thứ nhất, sự trở dậy tôn giáo ở các nước xã hội chủ nghĩa không phải là kết quả của toàn cầu hoá và hiện đại hoá mà là kết quả của sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa dẫn đến một khoảng trống hệ tư tưởng, một sự khủng hoảng lòng tin. Thế là các tôn giáo vốn có trước năm 1917 leo lắt suốt 70 năm bèn trở dậy. Điều đó đúng với Liên Xô, nhưng không hoàn toàn đúng với Trung Quốc và Việt Nam. Chủ nghĩa xã hội Trung Quốc và Việt Nam không sụp đổ như Liên Xô mà đổi mới. Đổi mới toàn diện từ kinh tế - trước tiên từ kinh tế với sự chấp nhận nền kinh tế thị trường - đến văn hoá. Về văn hoá đã có sự trở dậy của tôn giáo ở mức độ nhất định chứ không phải một cao trào như ở Liên Xô. Các thế lực thù địch Mỹ muốn thông qua toàn cầu hoá, hiện đại hoá thực hiện Mỹ hoá đã xúi giục một số phần tử tôn giáo nhất là Tin Lành (tôn giáo mạnh ở Mỹ) tạo ra một sự trở dậy giả tạo của tôn giáo ở hai nước này.

Do vậy, nếu như sự trở dậy tôn giáo ở Liên Xô mang tính chất thuần túy tôn giáo, thì ở Trung Quốc và Việt Nam, sự trở dậy tôn giáo vừa mang tính tôn giáo vừa mang tính chính trị. Trong một số trường hợp, tính chất chính trị lại nổi bật hơn tính tôn giáo vì nó được các thế lực "sen đầm quốc tế" của Mỹ đỡ đầu. Đây là sai lầm cơ bản về lí luận của S. Huntington.

Thứ hai, sai lầm ở chỗ S. Huntington không tách Mỹ ra khỏi Phương Tây và không nhận rõ tác động của chính quyền Mỹ đối với thế giới sau Chiến tranh lạnh. Ông cũng nhận thấy sau Chiến tranh lạnh, thế giới từ lưỡng cực chuyển sang đa cực nhưng lại cho là sự "va chạm" của các nền văn minh để tái lập một trật tự mới. Các nền văn minh tiếp xúc nhau, các quyền lợi chính trị của hơn 180 nước va chạm nhau. Tôn giáo không va chạm nhau bằng vũ lực khi tiếp xúc nhau. Không có Kitô giáo tấn công Islam giáo hay Islam giáo tấn công Kitô giáo, càng không có Phật giáo tấn công Kitô giáo hay Islam giáo hoặc ngược lại. Chính các tập đoàn chính trị nào đó dùng chiêu bài tôn giáo để tạo ra "va chạm" bạo lực. Phong trào Islam giáo đang nổi bật trên thế giới và cũng nổi bật trong cuốn sách này của S. Huntington. Ông đã dẫn tư liệu về "người Islam giáo là những người tham gia vào 26 trong tổng số 50 cuộc xung đột chính trị sắc tộc trong năm 1993-1994..."⁽³⁾. Quả thực, hiện nay người Islam giáo đang là chủ thể các cuộc chiến hoặc công khai như ở Irak hoặc bí mật như hoạt động khủng bố toàn cầu

2. Xem: Vương Đức Phong, Ngô Hiếu Minh. *Mười nhà tư tưởng lớn của thế giới*. Nxb Văn hoá Thông tin, 2003, tr.289-293.

3. Samuel Huntington. *Sđd*, tr.375.

của Bin Laden. Nhưng đó không phải là va chạm văn minh mà là đụng độ chính trị. Người Islam giáo chống Mỹ xâm lược. Người Islam giáo tự đánh giết nhau để tranh giành quyền lực chính trị! Tại Irak hiện nay, hai phái Sunnit và Shiit đang bắn giết, đánh bom nhà thờ của nhau tuy đều là tín đồ của Allah. Rõ ràng trong cả hai hình thức chiến tranh mà những người Islam giáo đang tiến hành đều không mang tính chất va chạm văn minh hay va chạm tôn giáo mà là va chạm chính trị. *Khi nghiên cứu tôn giáo thời cận hiện đại cần phân biệt hoạt động truyền giáo tự thân tôn giáo và hoạt động truyền giáo bị thế lực chính trị lợi dụng hay lợi dụng thế lực chính trị để truyền giáo.*

Thứ ba, S. Huntington đánh giá về Khổng giáo không đúng. Theo tôi, Khổng giáo không phải là tôn giáo. Hay dù cho rằng chấp nhận Khổng giáo là tôn giáo đi nữa thì nhận định của S. Huntington cũng lệch lạc và không nhất quán. Tác giả cho rằng "Nho giáo với bản chất khô cứng về tình cảm của mình, tỏ ra đặc biệt yếu kém"⁽⁴⁾. Nhưng tác giả lại mâu thuẫn với chính mình khi viết: "Đầu thế kỉ XX, trí thức Trung Quốc xác định Khổng giáo là nguồn gốc của lạc hậu. Cuối thế kỉ XX, các nhà lãnh đạo chính trị Trung Quốc, cùng các nhà khoa học xã hội Phương Tây hân hoan chào đón Khổng giáo là nguồn gốc của tiến bộ. Trong những năm 1980, Chính phủ Trung Quốc bắt đầu đẩy mạnh quan tâm đến Khổng giáo khi các lãnh đạo đảng tuyên bố Khổng giáo là "xu thế chính" của văn hoá Trung Hoa. Khổng giáo cũng trở thành động lực nhiệt thành của ông Lý Quang Diệu, người nhìn nhận Khổng giáo là nguồn gốc cho thành công của Singapore, và tự

biến mình thành kẻ truyền giáo cho đạo Khổng ra khắp thế giới. Vào những năm 1990, Chính phủ Đài Loan tuyên bố là "người thừa kế tư tưởng Khổng giáo..."⁽⁵⁾.

Như vậy, Khổng giáo có trời dậy chứ không phải đặc biệt yếu kém. Tác giả còn đề cập đến liên minh Khổng giáo - Islam giáo khi nói đến quan hệ chính trị của Trung Quốc với Pakistan hiện nay⁽⁶⁾. Đó không phải là liên minh tôn giáo hay văn minh mà rõ ràng là liên minh chính trị trong thế giới đa cực, cũng giống như ASEAN gồm có những nước theo Islam giáo, Phật giáo, Khổng giáo⁽⁷⁾.

Nói riêng về Khổng giáo. Gần đây, đã có một số tác phẩm Trung Quốc đánh giá lại tác động của Khổng giáo đối với xã hội Trung Quốc ngày nay; phản ánh "sự trỗi dậy" của Nho giáo sau Cách mạng văn hoá Trung Quốc⁽⁸⁾. S. Huntington không đánh giá đúng mức Khổng giáo hiện đại. Tại Trung Quốc hiện nay đã khôi phục vị trí văn hoá của Khổng giáo nhưng tuyệt không có sự đề cao như Lý Quang Diệu và các con rồng Châu Á. Tại Việt Nam cũng xuất hiện "sự trỗi dậy" của Khổng giáo trong những năm gần đây. Văn Miếu được tu sửa và tôn thờ Khổng Tử, Thất thập nhị hiền cùng Chu Văn An, nhưng về phương diện chính trị không hề có lập luận dùng Nho giáo để bay lên thành rồng như có một vài người mong muốn. Một số ít người muốn tái khẳng

4. Samuel Huntington. Sđd, tr.120.

5. Samuel Huntington. Sđd, tr.130.

6. Xem: Samuel Huntington, tr.343.

7. Xem: Samuel Huntington, tr.337.

8. Như: Vi Chính Thông. *Nho gia với Trung Quốc ngày nay*. Nxb Nhân dân Thượng Hải, 1990. Tác phẩm này đã được dịch ra Quốc ngữ (Nxb Chính trị Quốc gia) và ấn hành ở Việt Nam năm 1996.

định Nho giáo với giá trị các vị tiến sĩ mà các bia đá trong Văn Miếu còn đó, thậm chí muốn dựng bia các tiến sĩ hiện đại bên cạnh các bia tiến sĩ Nho học. Đôi ba người đề nghị đưa chữ Hán, một tử ngữ, vào chương trình trung học. Nhưng nói chung việc đào tạo các lớp Hán - Nôm, việc tôn tạo các di tích đều mang tính chất văn hoá, không mang tính chất tôn giáo, càng không mang tính chất đường lối chính trị xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư, về Phật giáo, rõ ràng S. Huntington không coi là có sự trỗi dậy và đánh giá Phật giáo rất thấp. Như trên đã trích dẫn, S. Huntington nói Phật giáo không phải là tôn giáo nhưng sau một hồi biện luận, Phật giáo vẫn là một tôn giáo lớn, duy chỉ không phải là nền tảng của một nền văn minh lớn. Thế là một tôn giáo lớn mà không phải nền tảng của một văn minh lớn thì không phải là một tôn giáo! Rõ ràng ông đã đồng nhất tôn giáo với văn minh như ông dẫn Christopher Dawson "những tôn giáo lớn là nền móng của các nền văn minh"⁽⁹⁾. Một sai lầm lí luận đáng tiếc! Nhưng bảng thống kê 3.3 thì lại có thể chấp nhận được, Phật giáo đang suy: Năm 1900 chiếm 7,8%; năm 1970 chiếm 6,4%; năm 1980 chiếm 6,3%; năm 1985 chiếm 6,2%; năm 2000 chiếm 5,7% dân số thế giới. Như vậy, không có sự trỗi dậy, không có sự toàn cầu hoá và hiện đại hoá của Phật giáo?

Thực tế rõ ràng từ sau khi đổi mới, năm 1986, Phật giáo Việt Nam đã hồi sinh và trỗi dậy. Đó là một hiện tượng khách quan không chối cãi được. Trùng tu chùa chiền, đúc tượng Phật, đúc chuông, mở lễ hội rầm rộ. Đua nhau xây chùa lộng lẫy, đúc tượng chuông đồ

sộ, càng lộng lẫy càng đồ sộ càng tốt. Hàng tỉ tỉ đồng đổ vào công việc thiên môn. Người lên chùa nườm nượp không đếm xuể. Mặc dù năm 2002, Giáo hội Phật giáo Việt Nam công bố chỉ có 36.512 tăng ni, nhưng nhiều nhà nghiên cứu không biết nên định nghĩa thế nào là tín đồ Phật giáo và cả nước có bao nhiêu tín đồ Phật giáo. Tăng ni là tín đồ, điều đó do Giáo hội Phật giáo quy định, không ai phủ nhận được. Người lên chùa thắp hương hay theo hội quy chỉ là quần chúng của Phật giáo, không phải tín đồ. Họ có thể chuyển thành tín đồ và có thể không chuyển thành tín đồ. Tổ chức Phật giáo cũng không thể đưa họ vào tăng tịch, nên nếu họ có làm điều gì phạm giới thì Giáo hội cũng không thể kỉ luật họ được. Cho rằng những người lên chùa đều là tín đồ tựa hồ đề cao Phật giáo, thực tế lại là đánh giá thấp Phật giáo.

Nhưng điều cần lưu ý là hiện tượng trỗi dậy của Phật giáo Việt Nam những năm gần đây chủ yếu ở đô thị, còn chùa làng dù là danh lam thắng cảnh thì vẫn vắng vẻ, vẫn một vài ông bà già đa số là cán bộ về hưu trông coi, sống đạm bạc như trước đổi mới. Số chùa ở nông thôn nào được Nhà nước xếp hạng di tích thì còn được tu bổ ít nhiều nhưng không thể so sánh với các chùa đô thị. Một vài chùa thuộc danh lam kim cổ như Chùa Hương, Khu di tích Yên Tử... tuy xa đô thị vẫn trỗi dậy khá mạnh, nhưng khách hành hương lại chủ yếu là khách du lịch, du lịch văn hoá. Cũng hương, cũng hoa, cũng niệm Nam Mô A Di Đà Phật nhưng hầu hết không phải tín đồ Phật giáo chính hiệu. Dù vậy, nói chung trong cả nước, Phật giáo Việt

9. Samuel Huntington. Sđd, tr.43.

Nam đều hồi sinh ở mức độ khác nhau. Không những trở dậy về hình thức mà còn về nội hàm tôn giáo cũng có sự hồi sinh thể hiện qua việc mở các trường Phật học, in ấn kinh sách... nhằm nâng cao chất lượng tín đồ, chứ không phải vì toàn cầu hoá hay hiện đại hoá.

Nếu nói toàn cầu hoá, từ năm 1950 khi Phật giáo Việt Nam gia nhập Hội Phật giáo thế giới thì đã toàn cầu hoá rồi. Có chăng bây giờ có nhiều tín đồ Phật giáo Việt Nam đang là kiều dân các nước Phương Tây hoặc đã xây dựng chùa Việt Nam ở nước ngoài như ở Pháp, ở Úc,... hoặc luôn luôn hướng về tổ chức Phật giáo trong nước đóng góp tôn tạo chùa chiền. Nói rằng hiện đại hoá, cũng từ năm 1950 đã mở trường giảng dạy giáo lý thay vì thầy thuyết pháp cho trò, chuyển Tăng già theo sơn môn thành hội đoàn theo địa lý... có chăng hiện nay học viện Phật giáo đồ sộ hơn, chương trình đào tạo Tăng tài rộng hơn, ngoài kinh kệ còn có triết học Mácxit và đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính phủ Việt Nam. Phật giáo Việt Nam đã hoà vào cuộc sống đời thường của dân tộc và đã trở thành một hiện tượng văn hoá dân tộc. Nhìn sang nước láng giềng sẽ thấy tình hình Phật giáo có khác ít nhiều.

Trung Quốc, trung tâm Phật giáo thứ hai nổi tiếng thế giới vốn có nhiều ngôi chùa và danh tăng nổi tiếng trong lịch sử, cũng từng tham gia Phật giáo quốc tế, từng canh tân với nhà sư Thái Hư nổi tiếng đi theo đường lối Tam Dân của Tôn Dật Tiên. Từ khi thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, Hội Phật giáo, chùa chiền và việc nghiên cứu Phật học vẫn được tiến hành không mấy khác tình hình ở Việt

Nam. Sau khi Trung Quốc tuyên bố mở cửa cải cách đi theo con đường xã hội chủ nghĩa mang đặc trưng Trung Quốc, Phật giáo của quốc gia này cũng hồi sinh theo hướng văn hoá dân tộc. Tuy nhiên, quần chúng không đổ xô vào các chùa đô thị rầm rộ như ở Việt Nam nhưng không phải không có. Cũng trùng tu chùa, đúc tượng Phật, nhưng xuất hiện một số hiện tượng rất đặc thù. Thiếu Lâm Tự vốn là đất thánh Phật giáo không những của Trung Quốc mà có tầm cỡ thế giới thì hiện nay đã lập nhiều công ti Thiếu Lâm Tự, kinh doanh văn hoá phẩm Phật giáo, mở trường dạy võ, thành lập các đoàn võ sĩ ra nước ngoài biểu diễn kinh doanh. Mới đây, trong năm 2006, đã tiến hành Diễn đàn Phật giáo Thế giới tại Trung Quốc để động viên Phật giáo thế giới bảo vệ hoà bình. Đặc biệt mới nhất là tư liệu về đội bóng đá nhà sư ở Tứ Xuyên. Báo *Tiền Phong*, số 18, ra ngày 30/4/2006, đăng bài *Đội bóng đá của các nhà sư đầu tiên ở Trung Quốc* của Thu Hoa. Bài báo cho biết: "Sáng ngày 23 tháng 4 vừa qua đã diễn ra một trận đấu bóng đá khác thường. Khác thường ở chỗ một trong hai đội gồm toàn các cầu thủ đầu trọc lóc, tuy mặc áo số nhưng không đánh quần đùi, mà lại chơi... quần dài màu vàng. Thì ra đó là đội bóng đá của Học viện Phật giáo Trùng Khánh. Đối thủ của các nhà sư là đội Liên quân Thời báo Trùng Khánh - Trung học Xuyên Ngoại. Kết quả: Đội các nhà sư bị thua với tỉ số 6 - 8! Đài truyền hình địa phương đã ghi hình toàn bộ". Bài báo viết huấn luyện viên của đội bóng là Hoà thượng Bản Tín; nhà sư Dĩnh Ngộ mang áo số 10 lập hatric được bình chọn là cầu thủ xuất sắc nhất trận đấu; có đội cổ vũ của 40

sư nữ. Pháp sư Đạo Kiên chùa Hoa Nham cho biết đội bóng gồm 24 nhà sư đang theo học Học viện Phật giáo Trùng Khánh vừa mới thành lập hôm 18 tháng tư (năm 2006). Đội bóng sẽ tích cực luyện tập và tham gia thi đấu ở địa phương. Nhưng cũng ở Tứ Xuyên, Phật giáo không phải chỉ có đá bóng mà còn tổ chức hội thảo quốc tế về Huyền Trang vào tháng 9 năm 2006.

Lập công ti kinh doanh trong nước và ra nước ngoài có thương hiệu Thiếu Lâm Tự rõ ràng là vừa hiện đại hoá vừa toàn cầu hoá! Còn lập đội bóng đá là hiện đại hoá chứ chưa toàn cầu hoá, mà cũng có khả năng toàn cầu hoá nếu đi thi đấu nước ngoài. Triệu tập Diển đàn Phật giáo Thế giới đấu tranh cho hoà bình thì quả là hiện đại hoá, toàn cầu hoá và chính trị hoá! Phật giáo Trung Quốc đã thể hiện toàn diện hiện đại hoá, toàn cầu hoá về phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa! Đó có phải là điều Thích Ca Mâu Ni truy cầu hay không? Nếu Thích Ca Mâu Ni ứng thân vào thế kỉ XXI, liệu Ngài có còn nhận ra đứa con đẻ của mình hay không? Ngay đầu Công nguyên, sau khi tịch diệt 500 năm, Ngài có xuống trần cũng chỉ mơ hồ nhận thấy Đại Thừa Phật giáo có dáng dấp nào đó của con đẻ Tứ Diệu Đế của mình mà thôi. Nếu đến thế kỉ VI, Ngài xuống trần ở Thiếu Lâm Tự tất không nhận ra Bồ Đề Đạt Ma, Huệ Năng là Ca Diếp hay A Nan tái thế! Huống hồ hôm nay thế kỉ XXI.

Phật giáo tồn tại đồng nghĩa luôn luôn hiện đại hoá. Hiện đại hoá là thay đổi thích nghi với thời gian và không gian trong lịch sử 2550 đang được UNESCO tôn vinh. Hiện đại hoá không phải chỉ có một lần, càng không phải

chỉ xảy ra trong thế kỉ XXI. Hiện đại hoá là sức sống của Phật giáo. Hiện đại hoá thế nào còn tùy tình hình cụ thể từng không gian, từng thời gian.

Phật giáo Việt Nam hiện đại hoá theo con đường "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội". Khác với Myanmar hay Campuchia từng có phong trào Phật giáo xã hội chủ nghĩa với tư cách một hệ tư tưởng chính trị toan gánh vác trách nhiệm hiện đại hoá dân tộc giành độc lập trong nửa sau của thế kỉ XX, Việt Nam và Trung Quốc tuy cũng là quốc gia thịnh Phật giáo nhưng nhiệm vụ giải phóng và hiện đại hoá dân tộc đã do Đảng Cộng sản đảm nhiệm hữu hiệu cho nên không có cái gọi là chủ nghĩa xã hội Phật giáo mà chỉ có Phật giáo đi cùng Đảng Cộng sản để xây dựng một quốc gia dân tộc hiện đại theo con đường xã hội chủ nghĩa đặc thù cho Việt Nam và Trung Quốc.

Phật giáo Việt Nam hiện nay xuất hiện với tư cách văn hoá và đạo đức hơn là tín ngưỡng tôn giáo. Cử một vài ví dụ mới nhất. Báo *Thanh Niên* số 124 (3785) ngày 4/5/2006, trang 5 có đăng bài *Đại lễ Phật đản Phật lịch 2550 được tổ chức lớn nhất từ trước tới nay* của tác giả Nguyễn Thuỳ. Nội dung bài viết đưa tin về lễ Phật đản tiến hành ngày 3/5/2006 tại TP. Hồ Chí Minh do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP. Hồ Chí Minh tổ chức. Trong buổi lễ, "Hoà thượng Thích Trí Quảng, Phó chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trưởng ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh cho biết, do năm nay là năm kỉ niệm ngày Phật đản tròn 2550 năm, kỉ niệm 25 năm ngày thống nhất Phật giáo cả nước thành Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đặc biệt

UNESCO cũng vừa chính thức công nhận lễ hội Phật đản là "lễ hội tôn giáo của thế giới", cho nên đại lễ Phật đản năm nay sẽ được tổ chức long trọng, trang nghiêm và hoành tráng nhất từ trước tới nay trên phạm vi cả nước. Theo Hoà thượng Thích Trí Quảng, trên phạm vi quốc tế, đại lễ Phật đản năm nay do UNESCO tổ chức từ ngày 7/5 đến ngày 10/5/2006 tại Bangkok (Thái Lan). Có khoảng 80 thành viên thuộc 14 quốc gia, trong đó Phật giáo Việt Nam là một thành viên trong Ban Tổ chức. Đoàn Phật giáo Việt Nam gồm khoảng 200 vị chức sắc, Phật tử (do Hoà thượng Thích Trí Quảng dẫn đầu) tham dự. Tại đại lễ này, Phật giáo Việt Nam có bài phát biểu nêu bật truyền thống Phật giáo Việt Nam gắn bó và đồng hành cùng dân tộc; hoạt động theo tôn chỉ, mục đích và phương châm "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội".

UNESCO là một tổ chức văn hoá, không phải một tổ chức tôn giáo. Việc UNESCO tổ chức lễ Phật đản cho thấy Phật giáo đã trở thành văn hoá, lễ hội Phật đản đã trở thành "lễ hội tôn giáo của thế giới", tức Phật giáo đã toàn cầu hoá!

Còn đương nhiên Giáo hội Phật giáo Việt Nam tự tổ chức lễ Phật đản ở các chùa như thường lệ vào ngày 15 tháng 4 âm lịch hàng năm.

Cũng trong số báo đó, ở trang 14, có bài *Công bố thêm 10 kỉ lục văn hoá Phật giáo Việt Nam* của Hồng Hạc. Tác giả cho biết tối ngày 4/5/2006 tại Nhà hát Bến Thành, trong chương trình chào mừng đại lễ Phật đản Phật lịch 2550 (rằm tháng 4 Bính Tuất, nhằm ngày 12/5/2006), Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh sẽ kết hợp với Trung

tâm Sách kỉ lục Việt Nam (VIETBOOKS) công bố thêm 10 kỉ lục văn hoá Phật giáo Việt Nam vừa xác lập, bao gồm 3 kiến trúc cổ, 4 tượng và các tác phẩm mỹ thuật khác, gồm:

1. *Chùa Pháp Vân* (chùa Dâu) xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

2. *Chùa Một Cột*, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. *Chùa Sùng Nghiêm* (chùa Mía) xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây. Chùa có 287 pho tượng thờ (174 tượng bằng đất nung).

4. *Tượng Đức Phật bằng đá của chùa Vạn Phúc* (Phật Tích) huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Tượng Phật cao 1,85m, kể cả bệ là 3m.

5. *Tượng Bồ tát Quán Thế Âm thiên thủ thiên nhãn bằng gỗ ở chùa Bút Tháp*, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Tượng cao 2,35m, bệ cao 0,54m; có 11 đầu, 42 tay lớn và 789 tay nhỏ; làm năm 1656.

6. *Tượng Bồ tát Quán Thế Âm thiên thủ thiên nhãn ở chùa Thánh Ân*, thành phố Hà Nội. Tượng cao 1,32m, kể cả bệ cao 2,31m; có 42 tay lớn và 610 tay nhỏ. Tượng thời Mạc.

7. *Tượng Phật Thích Ca bằng đồng ở khu du lịch văn hoá Tràng An*, tỉnh Ninh Bình, do các nghệ nhân thôn Thượng Đồng, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đúc để chuẩn bị 1.000 năm Thăng Long. Tượng nặng 100 tấn, cao 10m; do nghệ nhân Nguyễn Trọng Hạnh điều khắc.

8. *Đại hồng chung chùa Cổ Lễ*, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, do Hoà thượng Thích Thế Long cho đúc năm 1936, cao 4,2m, nặng 4.000kg,

đường kính miệng 2,2m, thành chuông dày 8cm. Đây là quả chuông lớn nhất Việt Nam.

9. *Chuông Thanh Mai xưa nhất Việt Nam*, phát hiện ở Thanh Mai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây vào năm 1986. Chuông nặng 36kg, cao 0,36m, đường kính miệng chuông 0,39m, trên thân có bài minh khoảng 1.500 chữ cho biết chuông đúc ngày 20 tháng 3 năm Mậu Dần niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ 14 (năm 798).

10. *Quả cầu Như ý lớn nhất Việt Nam đặt tại chùa Lâm*, Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh, ngày 26/4/2005 với tên gọi *Như ý báo ân Phật*. Quả cầu này làm từ khối đá hoa cương đỏ (rubin) lấy tại mỏ đá An Nhơn do ông Huỳnh Văn Phúc ở Quy Nhơn, Bình Định tìm ra, được Công ti Hà Quang thi công gần 2 năm. Quả cầu có đường kính 1,59m, nặng 6,5 tấn. Quả cầu đặt giữa bể nước hình bát giác có 8 vòi nước phun xung quanh tượng trưng cho 8 thứ nước công đức, thanh khiết, mát mẻ như luôn tươi xuống xung quanh những trận mưa pháp.

Đó là hai sự kiện lớn gần đây nhất minh chứng cho Phật giáo Việt Nam hiện đại mang tính văn hoá đậm nét hơn tính tôn giáo, nói cho đúng hơn mang tính chất văn hoá tôn giáo chứ không mang tính chính trị tôn giáo. Nhưng như vậy không có nghĩa là Phật giáo không còn là tôn giáo mà chỉ là văn hoá thôi.

Phật giáo Việt Nam đã toàn cầu hoá, hiện đại hoá, văn hoá hoá. Tất nhiên tính nhân bản của Phật giáo Việt Nam chủ yếu thể hiện trong những hoạt động cứu thế. Cứu thế Đại Thừa cổ điển là bố thí, cứu khổ cứu nạn cho từng cá nhân lẻ loi gặp nạn. Hình ảnh tượng

trưng cho cứu thế Đại Thừa là Bồ tát Quán Thế Âm, vị thần linh nghìn mắt nghìn tay hễ ai cầu cứu thì bất kì ở chân trời góc bể nào cũng nghe thấy và tìm đến cứu độ cho tai qua nạn khỏi, sống an lành. Từ khi khởi đầu có Phật giáo sơn môn Dâu cho đến nay, tinh thần cứu thế Đại Thừa vẫn đã và đang tồn tại. Nhưng đặc trưng của cứu thế Đại Thừa cổ điển là cứu giúp riêng lẻ từng cá nhân. Còn hiện nay đã xuất hiện cứu thế Đại Thừa mới lấy việc cứu thế toàn xã hội làm mục tiêu. Phật giáo Việt Nam đi theo chủ nghĩa xã hội chính là một biểu thị cơ bản của tinh thần cứu thế mới, cứu thế toàn bộ xã hội, toàn bộ nhân dân Việt Nam đồng thời vẫn duy trì cứu thế từng cá nhân. Đó chính là nội hàm của phương châm "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội" hiện nay. Đạo pháp là tinh thần cứu thế. Dân tộc là đối tượng cứu thế tập thể đã được xác định từ thời phong kiến Lý - Trần. *Xã hội chủ nghĩa là bước hiện đại hoá mới của Phật giáo Việt Nam trong thời đại xã hội chủ nghĩa đi theo con đường xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng chế độ xã hội độc lập - tự do - hạnh phúc cho cả một dân tộc.*

Hiện nay, Phật giáo Việt Nam đã thể hiện tinh thần cứu thế mới đó qua các công trình xã hội như chữa bệnh, giúp đỡ người nghèo, giúp đỡ người tàn tật, người nhiễm HIV, tham gia đóng góp khắc phục thiên tai,... Những hoạt động nhân bản mang tính thời đại đó tuy đã được Phật tử tự giác tiến hành nhưng nhìn chung còn thiếu quy mô hiện đại, chưa đuổi kịp Phật giáo Đài Loan chẳng hạn. Phật giáo Đài Loan kinh doanh thương nghiệp, y tế theo hình thức tổ chức kinh tế hiện đại cả về quy

mô, phương thức lẫn phương tiện. Hoạt động kinh doanh đó đều sinh lợi nhưng khác các hoạt động tư bản chủ nghĩa ở chỗ *lợi nhuận* không rơi vào túi nhà tư bản mà được tái đầu tư mở rộng cho việc cứu thế toàn dân. Về mặt này, Phật giáo Đài Loan quả có nhiều thành tích đáng nghiên cứu vận dụng cho hoạt động cứu thế mới của Phật giáo Việt Nam. Về tình hình Phật giáo Đài Loan, tôi chưa có điều kiện nghiên cứu cụ thể chỉ biết thông qua một số nhà nghiên cứu Phật giáo Đài Loan đến Viện Nghiên cứu Tôn giáo Việt Nam tham gia hội thảo song phương.

Đi theo con đường xã hội chủ nghĩa là thực hiện cứu khổ, cứu nạn đưa quốc dân đến cuộc sống hạnh phúc trần gian, không chỉ nhằm vào an ủi tinh thần cho từng cá nhân riêng lẻ và hướng về lai thế nữa. Đó là sự hiện đại hoá của Phật giáo Việt Nam hiện nay.

Phật giáo khác Islam giáo ở chỗ tính hoà bình, nhân bản không mang tính bạo lực. Đó là điều S. Huntington không nhận thức được ở Phật giáo nói chung và nói riêng cho trường hợp Việt Nam và Trung Quốc.

S. Huntington quá say mê Islam giáo, ít ra trong cuốn sách dẫn trên là như vậy. Sự trỗi dậy của Islam giáo hiện nay không phải là sự trỗi dậy tôn giáo mà là sự trỗi dậy của chiến tranh chính trị dưới danh nghĩa tôn giáo. Sự trỗi dậy bạo lực đó chỉ khiến nhân loại kinh sợ chứ không thuận tòng trừ một nhóm cực đoan nào đó. Phương Tây đang say mê Thiên Tông và Phật giáo Tây Tạng (Lạt Ma giáo), nhưng Phật giáo cũng đã tàn dù rằng một số nhà vật lí đang cố gắng giải thích Phật giáo

bằng khoa học vật lí hiện đại. Không phải riêng Phật giáo đã tàn mà tất cả các tôn giáo lớn nhỏ cũ kĩ hàng nghìn năm đều đã cạn nguồn sinh lực nội tại, không còn đáp ứng được nhu cầu tâm linh nhân loại cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI. Hiện đại hoá tôn giáo không phải chỉ là các tôn giáo cũ hồi sinh, trỗi dậy mà là hình thành một tôn giáo đáp ứng được nhu cầu nhân loại trong bối cảnh phát triển hiện nay đang toàn cầu hoá và hiện đại hoá. Thế giới đang thai nghén một tôn giáo mới hay một hệ thống tôn giáo mới chân chính mang một tính nhân bản toàn cầu và hiện đại chân chính chứ không phải cưỡng bức bạo lực, không phân biệt chủng tộc, không phân biệt văn hoá dân tộc. Những cái gọi là giáo phái mới hay tôn giáo mới đang mọc như nấm khắp đông tây nhiều không đếm xuể dù có vận dụng khoa học như Scientology thì cũng chỉ là những bào thai thiên ác lẫn lộn trên con đường thai nghén tôn giáo mới chân chính mang tính nhân bản hiện đại và toàn cầu. Nhưng xét về phương diện lí luận hình thành tôn giáo thì các tôn giáo mới đó chính là đêm trước, bước đi ban đầu nhằm thoát ra khỏi sự ràng buộc của những tín điều cổ kính thâm căn cố đế. Đây là sự đột phá cần thiết hợp quy luật vận động của tư duy nhân loại: phê phán cái cũ xây dựng cái mới. Mọi sự phê phán phủ định đều có sự lệch lạc nhất định, cái mới sẽ vọt ra từ đó, rũ bỏ những gông xiềng quá "đắt" và rũ bỏ cả những cực đoan mới mọc. Cần phải có thời gian.

Còn phải chờ đợi, chờ đợi bao lâu nữa? Trong thế kỉ XXI chăng? Sau thế kỉ XXI chăng? Bất khả tư nghì!